TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST Ngày 11/4/2025 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Bồng và bà Lê Thị Liên**

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trương Thị Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175 /2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2025; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn BN, xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Là Công ty (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Cầm Xuân L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn BN, xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá Nghề nghiệp: Lao động tự do (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/07/2024; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Lò Thị L và anh Cầm Xuân L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/11/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp dẫn đến cãi vã nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, hiện nay chị L, anh L người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cầm Xuân L.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 06 (sáu) con chung là cháu Cầm Xuân L, sinh ngày 11/8/2003; cháu Cầm Xuân T, sinh ngày 16/9/2005; cháu Cầm Thị Cẩm L, sinh ngày 08/01/2008, cháu Cầm Gia H, sinh ngày 10/02/2013; cháu Cầm Thị H, sinh ngày 22/10/2014; cháu Cầm Duy K, sinh ngày 30/4/2017. Tại Biên bản hòa giải ngày 06/01/2025, hai bên tự nguyện thỏa thuận 02 (hai) cháu L và T đều trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Đối với các cháu Cầm Thị Cẩm L, cháu Cầm Gia H, cháu Cầm Thị H, cháu Cầm Duy K. Hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cả 4 (bốn) cháu L, H, H, K cho chị Lò Thị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu H. Anh Cầm Xuân L tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu H và cháu K số tiền 1.500.000đồng/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi.

Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án anh Cầm Xuân L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cầm Xuân L đồng ý với phần trình bày về kết hôn của chị Lò Thị L. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến đầu tháng 7/2023 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay. Hiện nay anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị L, không muốn ảnh hưởng tới con cái và anh L nghĩ mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đồng ý về phần trình bày về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị L. Vợ chồng công nhận có 06 (sáu) con chung là cháu Cầm Xuân L, sinh ngày 11/8/2003; cháu Cầm Xuân T, sinh ngày 16/9/2005; cháu Cầm Thị Cẩm L, sinh ngày 08/01/2008, cháu Cầm Gia H, sinh ngày 10/02/2013; cháu Cầm Thị H, sinh ngày 22/10/2014; cháu Cầm Duy K, sinh ngày 30/4/2017. Các cháu Cầm Xuân L và Cầm Xuân T đều trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên không yêu cầu giải quyết. Đối với các cháu Cầm Thị Cẩm L, cháu Cầm Gia H, cháu Cầm Thị H, cháu Cầm Duy K. Hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cả 4 (bốn) cháu L, H, H, K cho chị Lò Thị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu H anh L đồng ý, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu K số tiền 1.500.000đồng/01/tháng/01

cháu cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Lò Thị L và anh Cầm Xuân L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/12/2024 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh L tại địa phương thể hiện: Chị L và anh L xây dựng gia đình với nhau tháng 09 năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XL, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá vào tháng 11/2002, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, đến tháng 7 năm 2023 anh L và chị L có xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 02/2024 thì hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì địa phương không rõ và cũng không được hòa giải nay được biết Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

+ *Về nội dung*:

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị L được ly hôn anh Cầm Xuân L.

Về con chung: Vợ chồng công nhận có 06 (sáu) con chung là cháu Cầm Xuân L, sinh ngày 11/8/2003; cháu Cầm Xuân T, sinh ngày 16/9/2005; cháu Cầm Thị Cẩm L, sinh ngày 08/01/2008, cháu Cầm Gia H, sinh ngày 10/02/2013; cháu Cầm Thị H, sinh ngày 22/10/2014; cháu Cầm Duy K, sinh ngày 30/4/2017. Cháu Cầm Xuân L và Cầm Xuân T đều trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với các cháu Cầm Thị Cẩm L, cháu Cầm Gia H, cháu Cầm Thị H, cháu Cầm Duy K. Hai bên tự nguyện thỏa thuận, giao các cháu L, H, H, K cho chị Lò Thị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu L và cháu H. Anh Cầm Xuân L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cháu H và cháu K số tiền 1.500.000đồng/01 cháu cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Anh L được thăm nom con mà không ai được cản trở. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ, ghi nhận ý kiến về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị L và anh L.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/02/2025 chị Lò Thị L có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, trường hợp anh L vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt, các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử xét xử vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lò Thị L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Cầm Xuân L. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Cầm Xuân L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị L là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh L kéo dài, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp dẫn đến cãi vả nhau dẫn đến không hạnh phúc. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị L và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2024 đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, mặt khác trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, ngày 17/12/2024 chị L có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh L là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng công nhận có 06 (sáu) con chung là cháu Cầm Xuân L, sinh ngày 11/8/2003; cháu Cầm Xuân T, sinh ngày 16/9/2005; cháu Cầm Thị Cẩm L, sinh ngày 08/01/2008, cháu Cầm Gia H, sinh ngày 10/02/2013; cháu Cầm Thị H, sinh ngày 22/10/2014; cháu Cầm Duy K, sinh ngày 30/4/2017. Tại Biên bản hòa giải ngày 06/01/2025. Hai bên tự nguyện thỏa thuận các cháu L và T đều trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên chị L và anh L không yêu cầu giải quyết. Giao 04 (bốn) cháu Cầm Thị Cẩm L, cháu Cầm Gia H, cháu Cầm Thị H, cháu Cầm Duy K cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu H, anh Cầm Xuân L tự

nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu K số tiền 1.500.000đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H, cháu K đủ 18 tuổi, anh L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Xét thấy việc thỏa thuận về con chung của chị L và anh L phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm, chị L nhận nộp án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Cầm Xuân L

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị L và anh L. Giao 04 (bốn) cháu là cháu Cầm Thị Cẩm L, sinh ngày 08/01/2008, cháu Cầm Gia H, sinh ngày 10/02/2013; cháu Cầm Thị H, sinh ngày 22/10/2014; cháu Cầm Duy K, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Lò Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu H. Anh Cầm Xuân L tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu H và cháu K số tiền 1.500.000đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng cho cháu H và cháu K tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H và cháu K đủ 18 tuổi. Anh L được đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị Lò Thị L và anh Cầm Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006308 ngày 07/11/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị L phải nộp. Chị L nhận nộp 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Cầm Xuân L được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND H. Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- UBND xã Xuân Lẹ, H. Thường Xuân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Tâm

\